TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HSST
Ngày: 26/4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Sỹ Thắng

2. Ông Lê Văn Lợi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Huệ - Thư ký,TAND H.Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa***: Ông Trần Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ 16 tháng 4 đến ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 10/2019/TLST-HS ngày 12/3/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST-HS ngày 01tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Bùi Sỹ B, sinh năm 1967

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do;Trình độ văn hóa: Lớp 7/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Bùi Sỹ Ng (đã chết); và bà: Bùi Thị Đ (đã chết); Vợ: Trịnh Thị Th - SN 1967. Có 5 con, lớn nhất SN 1988, nhỏ nhất SN 2004; Tiền án:

- Ngày 29/6/2009, bị TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" (ngày 30/8/2010 chấp hành xong hình phạt tù,ngày 23/9/2009 đã nộp xong tiền án phí hình sự).

- Ngày 04/4/2012, bị TAND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù về tội "Đánh bạc". Phạt bổ sung 3.000.000đ và 200.000đ án phí hình sự (ngày 02/10/2012 chấp hành xong hình phạt tù, chưa chấp hành xong hình phạt bổ sung và án phí).

Tạm giữ ngày 14/12/2018. Tạm giam ngày 20/12/2018 tại Trại giam Công an tỉnh Thanh Hóa

2. Trần Thăng Q, sinh năm 1988

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Thăng H - SN 1960; và bà: Nguyễn Thị T - SN 1964; Vợ: Lê Thị H - SN 1990. Có 02 con, lớn SN 2009, nhỏ SN 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân:

- Ngày 22/8/2006, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng về tội "Cướp tài sản" (đã được xóa án tích).

- Năm 2011, bị đưa đi cơ sở giáo dục Hoàn Cát 02 năm về hành vi "Trộm cắp tài sản". Năm 2013 chấp hành xong trở về địa phương.

Tạm giữ ngày 24/12/2018. Tạm giam ngày 27/12/2018 tại nhà tạm giữ Công an huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Người bị hại: Anh Bùi Bá V - SN 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: SN 24 phố T, thị trấn Q, tỉnh Thanh Hóa (nay là SN 94/02 đường T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Hữu Th - SN 1970.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lê Thị Ng - SN 1967.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 01 giờ ngày 12/12/2018, Bùi Sỹ B rủ Trần Thăng Q đi trộm cắp tài sản lấy tiền tiêu sài. Q đồng ý. Sau đó B điều khiển xe mô tô BKS 36F1-2724, Q điều khiển xe mô tô BKS 36B5-05378, cả hai điều khiển xe lên khu vực đô thị mới thị trấn Q, huyện Q để xem nhà nào đang xây dựng sơ hở thì lấy trộm dụng cụ hoặc vật liệu xây dựng. Khi B và Q đi đến khu nhà đang xây dựng của gia đình anh Bùi Sỹ A, do anh Bùi Bá V làm chủ thầu xây dựng. B và Q quan sát thấy không có người, B và Q lần lượt khênh hai bộ giàn giáo cao 1,5m, rộng 1m đặt lên yên xe của B rồi chở đến trước nhà anh Phạm Hữu Th để bán, nhưng nhà anh Th đã đi ngủ nên B và Q để 02 bộ giàn giáo lại trước cửa nhà anh Th. Sau đó B và Q quay lại nhà anh A tiếp tục lấy trộm 01 chiếc xe kéo buộc vào đuôi xe mô tô của B kéo về để ở sân nhà ông Bùi Sỹ Tr ở thôn T, xã Q, huyện Q. Đến khoảng 09h cùng ngày B và Q ra nhà anh Th bán cho anh Th 02 bộ giàn giáo với giá 600.000đ, sau đó quay về bán chiếc xe kéo cho chị Lê Thị Ng lấy 700.000đ. Sau khi bán tài sản trộm cắp B và Q chia nhau mỗi người được 650.000đ, số tiền trên B và Q đã tiêu sài cá nhân hết.

Sau khi bị mất tài sản, ngày 13/12/2018, phát hiện chiếc xe kéo của mình đang do chị Ng sử dụng, anh V đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương trình báo. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh thu hồi chiếc xe kéo trên.

Ngày 14/12/2018, biết không thể trốn tránh được nên B đã chuộc lại hai bộ giàn giáo từ anh anh Th rồi đem đến Công an huyện Quảng Xương giao nộp, đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình và đồng phạm, Đến ngày 24/12/2018, Trần Thăng Q cũng đến Công an huyện Quảng Xương đầu thú.

Ngày 17/12/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Q, tỉnh Thanh Hóa đã định giá: 02 bộ giàn giáo trị giá 800.000đ, chiếc xe kéo trị giá 2.500.000đ. Tổng giá trị tài sản là 3.300.000đ.

Ngày 09/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại hai bộ giàn giáo và chiếc xe kéo cho anh V, anh V đã nhận lại đầy đủ tài sản và không có ý kiến gì về phần dân sự.

Đối với anh Th đã có hành vi mua hai bộ giàn giáo, chị Ng mua chiếc xe kéo, cả anh Th và chị Ng đều không biết là tài sản do B và Q trộm cắp nên không cấu thành tội phạm. Chị Ng đã nhận lại số tiền 700.000đ, anh Th không yêu cầu giải quyết về dân sự.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36F1-2724 và xe mô tô BKS 36B5-05378 là xe của B và Q sử dụng để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản. Quá trình điều tra xác định xe mô tô BKS 36F1-2724 là xe của chị Trịnh Thị Th (vợ B), chị Th không biết B dùng xe của chị để đi trộm cắp. Xe mô tô BKS36B5-05378 Q mượn của em gái là chị Trần Thị V để đi chơi, chị V không biết Q dùng xe của chị để đi trộm cắp; Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Xương không thu giữ 02 chiếc xe mô tô trên là phù hợp.

Tại bản cáo trạng số 11/CTr-VKSQX ngày 12/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Trần Thăng Q về tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS; Bị cáo Bùi Sỹ B về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương vẫn giữ nguyên quyết định truy tố trong cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Bùi Sỹ B. Đề nghị xử phạt: Bùi Sỹ B từ 25 đến 28 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/12/2018. Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1,2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với Trần Thăng Q. Đề nghị xử phạt: Trần Thăng Q từ 07 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24/12/2018. Về bồi thường dân sự: Anh V đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu giải quyết về phần dân sự, đề nghị miễn xét. Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Th không yêu cầu giải quyết về dân sự, chị Ng đã nhận lại số tiền 700.000đ nên đề nghị không xét.Về án phí: Buộc các bị cáo B, Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền; trình tự, thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận: Do không có tiền tiêu sài cho cá nhân nên khoảng 01 giờ ngày12/12/2018, Bùi Sỹ B đã rủ Trần Thăng Q đi trộm cắp tài sản. Cả hai đã đến công trình đang xây dựng của gia đình anh Bùi Sỹ A ở khu phố 2, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa do anh Bùi Bá V làm chủ thầu xây dựng để trộm cắp tài sản. B và Q đã trộm cắp 02 bộ giàn giáo, 01 chiếc xe kéo của anh V tại công trình.Tổng giá trị tài sản là 3.300.000đ.

Lời khai của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Với các tài liệu và chứng cứ đã nêu trên Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo Bùi Sỹ B phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS, bị cáo Trần Thăng Q phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo không tu chí lao động để rèn luyện bản thân, muốn hưởng thụ trên mồ hôi nước mắt của người khác. Các bị cáo trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản để có tiền tiêu sài cho cá nhân; Vì vậy cần thiết phải xử lý nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này, tuy có nhiều bị cáo tham gia thực hiện phạm tội, nhưng chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn.

- Đối với bị cáo B là người rủ rê và là người trực tiếp chở, kéo tài sản trộm cắp đi cất giấu nên B phải giữ vai trò chính trong vụ án là phù hợp.

- Đối với bị cáo Q, sau khi được B rủ rê đi trộm cắp đã đồng ý ngay và cùng B khênh, đẩy tài sản trộm cắp một cách tích cực và cùng B đem tài sản đi tiêu thụ nên Q giữ vai trò thứ hai sau B là phù hợp.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo

- Về tình tiết tăng nặng:

+ Đối với bị cáo B đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Căn cứ khoản 2 Điều 52 BLHS thì các tình tiết đã được Bộ luật hình sự quy định là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt thì không được coi là tình tiết tăng nặng. Do vậy bị cáo B không có tình tiết tăng nặng.

+ Đối với bị cáo Q: Không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng có nhân thân không tốt ngày 22/8/2006, bị TAND tỉnh Thanh Hóa xử phạt 24 tháng

tù nhưng cho hưởng án treo về tội "Cướp tài sản", Năm 2011, bị đưa đi cơ sở giáo dục Hoàn Cát 02 năm về hành vi trộm cắp tài sản. Năm 2013 chấp hành xong trở về địa phương.

- Tình tiết giảm nhẹ:

+ Đối với bị cáo B tự nguyện khắc phục hậu quả, thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã đến Công an huyện Quảng Xương đầu thú nên áp dụng điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

+ Đối với bị cáo Q thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã đến Công an huyện Quảng Xương đầu thú nên áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xét thấy cần thiết bắt các bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục các bị cáo sớm trở thành công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[5] *Về bồi thường dân sự*: Người bị hại đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu gì về dân sự nên HĐXX không xét.

Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Th không yêu cầu giải quyết về dân sự, chị Ng đã nhận lại đầy đủ số tiền 700.000đ nên HĐXX không xét.

[6] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Các bị cáo Bùi Sỹ B, Trần Thăng Q phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173 BLHS; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Bùi Sỹ B.

Xử phạt: Bùi Sỹ B 24 (hai bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 14/12/2018.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 173 BLHS; Điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 BLHS đối với bị cáo Trần Thăng Q.

Xử phạt: Trần Thăng Q 07 (bảy) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 24/12/2018.

- ***Bồi thường dân sự***: Người bị hại anh V đã nhận lại đầy đủ tài sản, không yêu cầu giải quyết về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

- Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Ng đã nhận lại đầy đủ số tiền 700.000đ, anh Th không yêu cầu giải quyết về dân sự nên HĐXX không xét.

- ***Án phí:*** Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS. Điều 6; Điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14.

Buộc các bị cáo Bùi Sỹ B, Trần Thăng Q mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí

hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu càu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSNDH,Quảng Xương
-Các bị cáo
- Người bị hại.
- Những ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- L- u hồ sơ .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Thị Lý